TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 273/2024/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 12 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện Ứ, tỉnh Hà Tây.

Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 với bà Trần Thị N, sinh năm 1985.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H với bà Trần Thị N tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

Về con chung: Có một người con là em Nguyễn Quốc B, sinh ngày 18/11/2007 hiện tại con đang sống với ông H.

Sau khi ly hôn ông H với bà N tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng em Nguyễn Quốc B, sinh ngày 18/11/2007. Theo nguyện vọng của em Nguyễn Quốc B là sau khi ông H với bà N ly hôn với nhau thì em được sống với ông H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H với bà N chưa đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung; Về nợ chung và về người khác nợ vợ chồng: Không có nên ông H với bà N không đặt ra yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện nộp số tiền là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0009379 ngày 02/10/2024 do ông Nguyễn Văn H nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành thu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí.

Bà Trần Thị N không phải nộp án phí hôn nhân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Liên